



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
Y TẾ CÔNG CỘNG

HANOI UNIVERSITY OF PUBLIC HEALTH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA II TCQLYT

Hà nội, tháng 9 năm 2023

MỤC LỤC

1.	Tên chương trình đào tạo:	3
2.	Trình độ đào tạo.....	3
3.	Tên gọi văn bằng	3
4.	Ngành đào tạo	3
5.	Mã số ngành đào tạo.....	3
6.	Thời gian đào tạo	3
7.	Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo.....	3
8.	Mục tiêu chương trình đào tạo	3
9.	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:	4
10.	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:	6
11.	Khối lượng kiến thức toàn khoá.....	7
12.	Đối tượng tuyển sinh	7
13.	Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	8
14.	Phương pháp dạy-học	9
15.	Đánh giá kết quả học tập	10
16.	Nội dung chương trình đào tạo.....	11
16.1.	Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo	11
16.2.	Khối lượng các học phần	11
16.2.1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương:.....	11
16.2.2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	12
16.2.3.	Khối kiến thức bổ trợ (tự chọn)	14
16.2.4.	Chuyên đề:.....	15
16.2.5.	Thi lý thuyết và luận văn tốt nghiệp:	15
17.	Sơ đồ các học phần trong chương trình	16
18.	Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PO) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO).....	17
19.	Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra CTĐT (các tiêu chí PLO#.#) và thời lượng, phương pháp dạy-học và phương pháp đánh giá của các học phần trong CTĐT	18

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên chương trình đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo Chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế

+ Tên tiếng Anh: Specialization Level II in Health Management

2. Trình độ đào tạo: Chuyên khoa II

3. Tên gọi văn bằng:

+ Tên tiếng Việt: Chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế

+ Tên tiếng Anh: Specialization Level II in Health Management

4. Ngành đào tạo: Tổ chức quản lý y tế

5. Mã số ngành đào tạo: 62727605

6. Thời gian đào tạo: 2 - 4 năm

7. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo: 4/2022

8. Mục tiêu chương trình đào tạo

8.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo chuyên gia có trình độ cao về năng lực quản lý, có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề về quản lý y tế dựa trên các bằng chứng khoa học, thực tiễn, góp phần xây dựng, thực hiện và đánh giá các chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngành y tế trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

8.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu kiến thức

PO1: Có kiến thức về các nguyên lý của khoa học hành vi và văn hóa tổ chức trong xây dựng và phát triển tổ chức.

PO2: Có kiến thức về các nguyên lý của khoa học quản lý và lãnh đạo ứng dụng trong công tác quản lý và điều hành hệ thống y tế.

Mục tiêu kỹ năng

PO3: Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản lý xung đột, kỹ năng giao tiếp.

PO4: Có kỹ năng xây dựng, thực hiện, đánh giá đề án, kế hoạch, chính sách nhằm giải quyết các vấn đề trong công tác điều hành, quản lý y tế một cách có hiệu quả và khả thi như nâng cao chất lượng, quản lý và phát triển hệ thống.

PO5: Có kỹ năng áp dụng các nguyên lý quản lý tài chính, đánh giá kinh tế y tế và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý y tế.

PO6: Có kỹ năng xây dựng và thực hiện thu thập những thông tin liên quan đến lĩnh vực quản lý

Mục tiêu về mức tự chủ và trách nhiệm:

PO7: Thể hiện sự tôn trọng và tạo điều kiện cho các bên liên quan tham gia trong quá trình ra quyết định và triển khai thực hiện nhiệm vụ

PO8: Có khả năng chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược, chính sách, các hoạt động quản lý y tế.

PO9: Có kỹ năng huy động các bên liên quan, bao gồm cả cộng đồng trong vận động chính sách trong giải quyết các vấn đề sức khỏe.

9. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Mã	Chuẩn đầu ra	Mức độ
Kiến thức (K)		
PLO1	Liên hệ được kiến thức về các nguyên lý của khoa học hành vi và văn hóa tổ chức trong xây dựng và phát triển tổ chức	5/6
PLO1.1	Có kiến thức nền tảng về khoa học hành vi và văn hoá tổ chức	5/6
PLO1.2	Có khả năng vận dụng các kiến thức thuộc về khoa học hành vi và văn hoá tổ chức trong công tác xây dựng và phát triển tổ chức	5/6
PLO2	Liên hệ được các nội dung cơ bản về quản lý và điều hành hệ thống y tế.	5/6
PLO2.1	Có kiến thức nền tảng về quản lý và điều hành hệ thống y tế	5/6
PLO2.2	Có khả năng phân tích được đặc điểm, cấu trúc và chức năng của hệ thống y tế Việt Nam	5/6
PLO2.3	Phân tích được các nội dung cơ bản về quản lý và điều hành hệ thống y tế dựa trên sự hiểu biết về hệ thống y tế và đơn vị	5/6
Kỹ năng (S)		
PLO3	Vận dụng được các kỹ năng lãnh đạo, quản lý, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản lý xung đột, kỹ năng giao tiếp.	4/5
PLO3.1	Có khả năng vận dụng được các kỹ năng lãnh đạo, quản lý.	4/5

PLO3.2	Có khả năng vận dụng được các kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản lý xung đột, kỹ năng giao tiếp	4/5
PLO4	Xây dựng, thực hiện, đánh giá đề án, kế hoạch, chính sách nhằm giải quyết các vấn đề trong công tác điều hành, quản lý y tế một cách có hiệu quả và khả thi như nâng cao chất lượng, quản lý và phát triển hệ thống.	4/5
PLO4.1	Xây dựng và thực hiện đề án nâng cao chất lượng tại đơn vị	4/5
PLO4.2	Xây dựng và thực hiện đề án phát triển nhân lực tại đơn vị	4/5
PLO4.3	Xây dựng và thực hiện đề án liên quan đến quản lý hệ thống, nâng cao chất lượng hoạt động tại đơn vị	4/5
PLO5	Áp dụng được các nguyên lý của quản lý tài chính, phương pháp đánh giá kinh tế và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý y tế	4/5
PLO5.1	Vận dụng được các nguyên lý quản lý tài chính để xây dựng kế hoạch giải quyết trong công tác quản lý thực tế tại đơn vị	3/5
PLO5.2	Vận dụng được các nguyên lý đánh giá kinh tế y tế để xây dựng kế hoạch giải quyết trong công tác quản lý thực tế tại đơn vị	4/5
PLO5.3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý y tế	4/5
PLO6	Ứng dụng được các nguyên lý quản lý thông tin sức khỏe để đánh giá chất lượng, tính toàn vẹn và tương thích của số liệu và xác định được các thiếu hụt trong các nguồn số liệu thu thập tại các cấp của hệ thống y tế.	4/5
PLO6.1	Xây dựng và thực hiện thu thập những thông tin liên quan đến lĩnh vực quản lý	4/5
PLO6.2	Đánh giá chất lượng, tính toàn vẹn và tương thích của số liệu và xác định được các thiếu hụt trong các nguồn số liệu thu thập tại các cấp của hệ thống y tế	4/5
PLO7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin y tế	4/5
PLO7.1	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	6/6
PLO7.2	Xây dựng kế hoạch, cách thức ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin y tế	4/5
PLO7.3	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin y tế	4/5
PLO8	Đạt trình độ Tiếng Anh tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	4/6
Mức tự chủ và trách nhiệm (A)		
PLO9	Thể hiện sự tôn trọng và tạo điều kiện cho các bên liên quan tham gia trong quá trình ra quyết định và triển khai thực hiện nhiệm vụ	4/5

PLO9.1	Thể hiện sự tôn trọng với cấp trên, đồng nghiệp, cấp dưới, đối tác, các bên liên quan	4/5
PLO9.2	Thể hiện thiện chí và tạo điều kiện cho các bên liên quan tham trong quá trình ra quyết định và triển khai thực hiện nhiệm vụ	4/5
PLO9.3	Thể hiện thái độ tích cực với những đổi mới và những quan điểm trái chiều, thể hiện sự lắng nghe các kiến nghị và đề xuất nhằm thích nghi với những thay đổi	4/5
PLO10	Có khả năng chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược, chính sách, các hoạt động quản lý y tế.	4/5
PLO10.1	Chủ động phát hiện vấn đề tồn tại trong công tác quản lý tại đơn vị và của hệ thống	5/5
PLO10.2	Có kiến thức vững chắc về nguyên tắc xây dựng chiến lược, chính sách các hoạt động quản lý y tế.	4/5
PLO10.3	Chủ động chủ trì xây dựng chiến lược, chính sách các hoạt động quản lý y tế	4/5
PLO11	Có kỹ năng huy động các bên liên quan, bao gồm cả cộng đồng, vận động chính sách trong giải quyết các vấn đề sức khỏe	5/5
PLO11.1	Kết hợp một cách hiệu quả các kỹ năng cá nhân (giao tiếp, trình bày,..) và kỹ năng quản lý, lãnh đạo (thuyết phục, giải quyết xung đột..) để có thể huy động cộng đồng trong giải quyết vấn đề sức khỏe	5/5
PLO11.2	Áp dụng các nguyên lý của truyền thông chính sách để có thể vận động chính sách trong giải quyết các vấn đề sức khỏe	4/5

Ghi chú:

- Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: đạo đức và trách nhiệm (1-5) (tham khảo phụ lục đính kèm)

- Các chuẩn đầu ra cần đáp ứng đúng yêu cầu về năng lực tương ứng với mỗi trình độ tại Phụ lục Khung trình độ quốc gia (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyet-dinh-1982-QD-TTg-phe-duyet-khung-trinh-do-quoc-gia-Viet-Nam-2016-327841.aspx>)

10. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Nhà quản lý/lãnh đạo, chuyên viên chính và cao cấp tại các bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe (CSSK) công lập và tư nhân và quốc tế.
- Giảng viên hoặc nhà nghiên cứu, chuyên viên cao cấp tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong lĩnh vực Quản lý bệnh viện nói riêng và quản lý nói chung.

11. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Chương trình đào tạo Chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế (TCQLYT) bao gồm 72 tín chỉ, chia thành 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1:

Học viên hoàn thành các môn cơ bản, môn cơ sở và môn chuyên ngành. Trong đó có 41 tín chỉ là môn bắt buộc (tương đương 14 học phần) và 11 tín chỉ là các học phần tự chọn (tương đương 5 học phần) Học viên lựa chọn các môn tự chọn phù hợp với định hướng học tập cũng như công việc hiện đang công tác và đăng ký với Phòng Quản lý Đào tạo (QLĐT). Phòng QLĐT sẽ dựa vào những lựa chọn này để bố trí, sắp xếp lịch học.

Giai đoạn 2:

- Bài tập chuyên đề quản lý: Xây dựng dự án can thiệp hoặc thiết kế đánh giá chương trình, dự án y tế.
- Luận văn tốt nghiệp: là một đề tài nghiên cứu về vấn đề tổ chức quản lý y tế tại cơ sở y tế hoặc địa phương nơi học viên công tác

12. Đối tượng tuyển sinh

- Yêu cầu về văn bằng:
 - o Có bằng CKI Y tế công cộng, bằng Thạc sỹ y tế công cộng, Thạc sỹ quản lý bệnh viện hiện đang công tác lĩnh vực y tế.
 - o Những người có bằng CKI hoặc Thạc sỹ (hoặc bác sỹ nội trú) chuyên ngành khác phải có chứng chỉ lớp Bổ túc kiến thức y tế công cộng.
- Yêu cầu về thâm niên công tác: Có thâm niên công tác liên tục trong chuyên ngành dự tuyển tối thiểu 36 tháng kể từ khi tốt nghiệp CKI hoặc Bác sỹ nội trú hoặc Thạc sỹ.
- Lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu.
- Người nước ngoài muốn học CKII tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện về văn bằng chứng chỉ như trên, được Bộ Y tế chấp thuận và tuân theo các qui định hiện hành.
- Có đủ sức khoẻ để học tập.
- Môn thi tuyển:
 - o Tổ chức quản lý y tế
 - o Tiếng Anh

13. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

13.1. Quy trình đào tạo

Thời gian đào tạo tối thiểu là 24 tháng và tối đa là 48 tháng (*phụ thuộc vào kế hoạch học tập của từng cá nhân*) kể từ ngày có quyết định trúng tuyển. Áp dụng hình thức đào tạo theo Hệ thống tín chỉ. Mỗi tín chỉ là 50 giờ học tập, gồm các thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm, dự kiểm tra đánh giá. Trong đó hoạt động dạy học trên lớp, 1 tín chỉ thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận. Trong đó mỗi giờ lên lớp được tính bằng 50 phút.

Chương trình Chuyên khoa II TCQLYT gồm 72 tín chỉ, trong đó 61 tín chỉ bắt buộc và 11 tín chỉ tự chọn. Học viên có thể chọn các học phần tự chọn theo khả năng và nguyện vọng để trang bị kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm cần thiết, phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Cấu trúc chương trình gồm những phần sau:

- Các học phần chung (8 tín chỉ – 11,1%): là các môn chung, bao gồm Phương pháp sư phạm y học, Phương pháp nghiên cứu khoá học ứng dụng trong quản lý, Đạo đức trong quản lý và nghiên cứu y sinh học.

- Môn cơ sở và hỗ trợ (10 tín chỉ – 13,8%): là các học phần mang tính hỗ trợ cho các môn chuyên ngành, bao gồm: Trình bày và truy cập thông tin, Luật pháp và thanh tra y tế, Sức khỏe toàn cầu.

- Khỏi kiến thức cơ sở và chuyên ngành:

- Học phần bắt buộc (23 tín chỉ – 31,9%), nhóm học phần này giúp cho học viên có kiến thức và kỹ năng theo các nhóm năng lực cốt lõi phục vụ cho công tác tổ chức quản lý y tế, bao gồm: Lãnh đạo và quản lý, Tổ chức và Quản lý hệ thống y tế, Quản lý chất lượng dịch vụ y tế, Hành vi và văn hoá tổ chức, Các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe, Quản lý kinh tế và tài chính y tế, Quản lý thông tin y tế, Chính sách y tế.
- Học phần tự chọn (11 tín chỉ – 15,3%) bao gồm các học phần liên quan đến các lĩnh vực khác nhau trong hệ thống y tế như Quản lý trang thiết bị y tế và cơ sở hạ tầng, Quản lý nhân lực, Quản lý và đánh giá dự án, Truyền thông chính sách y tế, Tiếp thị xã hội, Phòng chống HIV/AIDS, Phòng chống chấn thương. Mỗi học viên phải chọn tối thiểu 11 tín chỉ (15,3%).

Sau khi hoàn thành các học phần, học viên sẽ chuyển sang giai đoạn 2, gồm các hoạt động cụ thể

- Bài tập chuyên đề quản lý (6 tín chỉ – 8,3%): Xây dựng dự án can thiệp hoặc thiết kế đánh giá chương trình, dự án y tế.
- Bài thi Lý thuyết tổng hợp (7 tín chỉ – 9,7%)
- Luận văn tốt nghiệp (7 tín chỉ – 9,7%): là một đề tài nghiên cứu về vấn đề tổ chức quản lý y tế tại cơ sở y tế hoặc địa phương nơi học viên công tác

13.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Đã học xong và đạt yêu cầu tất cả các học phần trong chương trình đào tạo (Hoàn thành đủ tối thiểu 72 tín chỉ, bao gồm cả luận văn tốt nghiệp);
- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: đạt trình độ từ B2 (tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trở lên;
- Đạt yêu cầu về Tin học: đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản;
- Đã hoàn thành đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường ĐHYTCC;
- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn.

14. Phương pháp dạy-học

Tùy theo từng học phần cụ thể, giảng viên có thể kết hợp các phương pháp giảng dạy/học tập tích cực như thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề (Scenario – Based learning), phương pháp giảng dạy kết hợp (Blended-learning), bài tập cá nhân, bài tập nhóm để trang bị cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên ngành cũng như kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề).

Các phương pháp dạy-học sau được áp dụng trong chương trình:

- Thuyết trình: giảng viên đưa ra vấn đề, giải thích các vấn đề lý luận, quy tắc, cung cấp các nội dung học phần.
- Thảo luận nhóm, thảo luận toàn thể trên lớp hoặc trên diễn đàn trực tuyến: thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và học viên, giữa học viên với nhau để làm rõ nội dung kiến thức trong học phần. Giúp học viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm.
- Nghiên cứu tình huống: giảng dạy dựa trên tình huống giúp học viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học và giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể.
- Thực hành/đóng vai: Giúp học viên biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế cụ thể; thực hành đóng vai để áp dụng được các kỹ năng đã được học.
- Thực tập về quản lý Y tế tại 1 bệnh viện và 1 Trung tâm y tế dự phòng

15. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng nhiều hình thức như:

- Với các học phần lý thuyết: kiểm tra quá trình, đánh giá chuyên cần, thi hết học phần (với các hình thức câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi ngắn, bài tập nhóm, trình bày kết quả thảo luận, kết quả bài tập cá nhân,...)
- Với cấu phần thực địa và bảo vệ luận văn: trình bày, trả lời câu hỏi với các hội đồng đề cương, giám sát và bảo vệ luận văn,...

Quy định về đánh giá

Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm 10 là thang điểm tiện ích, được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm,...) sử dụng thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Đánh giá kết quả học tập học phần:

Việc đánh giá kết quả học tập (số lượng các điểm thành phần, phương thức đánh giá cho từng loại điểm thành phần (đánh giá quá trình, chuyên cần và thi hết học phần,...) được quy định trong đề cương chi tiết học phần. Điểm thành phần là các cột điểm thuộc một trong số các dạng đánh giá sau:

- Đánh giá các học phần lý thuyết:
 - Các điểm đánh giá quá trình: điểm đánh giá kiến thức và kỹ năng của học viên khi kết thúc 1 tín chỉ của học phần;
 - Điểm chuyên cần: Mức độ đi học đầy đủ ($\geq 80\%$ thời lượng của học phần), tích cực tham gia của học viên trong các nội dung hoạt động trên lớp của học phần;
 - Điểm đánh giá hết học phần: điểm đánh giá kiến thức và kỹ năng của học viên khi kết thúc học phần. (Điểm tổng kết học phần là trung bình có trọng số của các điểm thành phần. Học phần được xem là đạt nếu học viên có điểm tổng kết 5/10 trở lên).
- Điểm đánh giá bài tập chuyên đề quản lý: trên 5 điểm được coi là đạt
- Điểm đánh giá quá trình làm luận văn: điểm của bảo vệ đề cương nghiên cứu, điểm bảo vệ luận văn (mỗi thành phần trên 5 điểm được coi là đạt).

16. Nội dung chương trình đào tạo

16.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Các học phần chung	8
2	Các học phần cơ sở và hỗ trợ	10
3	Các học phần chuyên ngành	34
3.1	<i>Học phần bắt buộc</i>	23
3.2	<i>Học phần tự chọn</i>	11
4	Bài tập chuyên đề quản lý	6
5	Lý thuyết tổng hợp	7
6	Luận văn	7
	TỔNG	72

16.2. Khối lượng các học phần

16.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương:

TT	Tên học phần	Mã	Số tín chỉ
I	Các học phần chung		
1	Phương pháp sư phạm Y học: cung cấp cho học viên lí luận về phong cách học tập của người trưởng thành; cách thiết kế chương trình đào tạo, phương pháp dạy-học tích cực, cũng như cách đánh giá kết quả học tập phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo liên tục cán bộ y tế.	910300102	2
2	Phương pháp nghiên cứu Khoa học ứng dụng trong quản lý: Học phần này học cung cấp cho học viên kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu (định tính, định lượng và kết hợp định tính và định lượng), kĩ năng cần thiết giúp học viên xây dựng được kế hoạch nghiên cứu khả thi.	910300204	4
3	Đạo đức trong Quản lý và nghiên cứu Y sinh học: Học phần được thiết kế nhằm giúp học viên xác định được các vấn đề/chủ đề cần thảo luận – những vấn đề/chủ đề mà những người hoạt động trong lĩnh vực quản lý y tế luôn phải giải quyết và họ cần phải bàn luận sâu về những mâu	910300302	2

	thuần về giá trị và đạo đức phát sinh trong khi áp dụng những kiến thức quản lý vào thực tế để đưa ra các quyết định phù hợp với chuẩn mực đạo đức.		
Tổng cộng			8

16.2.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

Kiến thức cơ sở và hỗ trợ

TT	Tên học phần	Mã	Số tín chỉ
II Các học phần cơ sở và hỗ trợ			
4	Trình bày và truy cập thông tin: Học phần gồm 2 câu phần chính: Tìm kiếm thông tin và kỹ năng trình bày thông tin. Kỹ năng trình bày và truy cập thông tin nhằm giúp cho học viên có được các kỹ năng cần thiết để có thể chuẩn bị và trình bày hiệu quả các vấn đề sức khỏe, kết quả nghiên cứu không chỉ trong quá trình học tập trong nhà trường mà cả trong quá trình làm việc và công tác sau này	910300403	3
5	Luật pháp và thanh tra y tế: Học phần Pháp luật và Thanh tra y tế sẽ cung cấp cho học viên những khái niệm cơ bản và quan trọng giúp họ có thể tham gia vào quá trình xây dựng, thực thi, thanh tra và giám sát việc thực thi pháp luật y tế ở các cấp một cách hiệu quả.	910300504	4
6	Sức khỏe toàn cầu: cung cấp cho học viên các nội dung liên quan tới xu hướng dịch tễ học và tình trạng sức khỏe con người trong mối liên quan với di biến động dân số, đô thị hóa, biến đổi khí hậu, các bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện, và hệ thống y tế, v.v...	910300603	3
Tổng cộng			10

Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)

TT	Tên học phần	Mã	Số tín chỉ
III Các học phần chuyên ngành			
III.1 Học phần bắt buộc			
7	Lãnh đạo và Quản lý: Học phần này sẽ giới thiệu khái niệm và nguyên lý cơ bản của lãnh đạo và quản lý. Được thiết kế theo hình thức kết hợp giữa lý thuyết và các tình huống lãnh đạo và quản lý thực tế, học phần sẽ cung cấp	910300703	3

	các kỹ năng lãnh đạo quản lý cơ bản với các cách ứng dụng linh hoạt để học viên có thể vận dụng vào môi trường làm việc trong tương lai.		
8	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế: Học phần được thiết kế nhằm cung cấp các thông tin tổng quát về quản lý tổ chức và hệ thống y tế như đặc điểm, cấu trúc tổ chức, chức năng và các thành phần cơ bản của hệ thống y tế. Qua đó, học viên có thể phân tích sâu về công tác tổ chức và quản lý hệ thống y tế tại Việt Nam	910300803	3
9	Quản lý chất lượng dịch vụ y tế: Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quản lý chất lượng dịch vụ y tế bao gồm khái niệm về chất lượng và quản lý chất lượng dịch vụ y tế.	910300903	3
10	Hành vi và văn hóa tổ chức: Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức về Hành vi của cá nhân, hành vi của nhóm trong tổ chức, từ đó có thể dự đoán được các hành vi của cá nhân, của nhóm trong tổ chức, từ đó đưa ra các biện pháp tạo động lực lao động và xây dựng được những nhóm làm việc hiệu quả.	910301003	3
11	Các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe: Học phần này giúp học viên có kiến thức cơ bản về các yếu tố quyết định sức khỏe nói chung và đặc biệt là các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe nói riêng để hỗ trợ cho rất nhiều các học phần khác về Quản lý, Vận động trong thực hành Nâng cao sức khỏe, triển khai các nghiên cứu liên quan đến vấn đề sức khỏe ...	910301103	3
12	Quản lý kinh tế và tài chính y tế: Học phần giúp học viên vận dụng khái niệm về sự khan hiếm, sự lựa chọn, và các qui luật kinh tế học trong y tế nhằm giải thích và phân tích hành vi sử dụng và cung cấp dịch vụ y tế huy động và quản lý nguồn tài chính y tế, kỹ năng lập dự toán ngân sách, đánh giá các can thiệp y tế, giúp quản lý và xây dựng chính sách sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn; tăng cường khả năng phân tích và xây dựng chính sách trong quản lý y tế và quản lý kinh tế ngành.	910301203	3
13	Quản lý thông tin y tế: Học phần cung cấp các kiến thức về việc áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý thông tin y tế, tầm quan trọng của các chuẩn thông tin, đánh giá chất lượng thông tin và tăng cường sử dụng thông tin trong việc ra quyết định.	910301303	3
14	Chính sách y tế: Học phần cung cấp cho học viên những khái niệm và kỹ năng cơ bản, quan trọng có thể tham gia	910301402	2

	tích cực, hợp lý và hiệu quả vào quá trình xây dựng, thực thi và đánh giá các chính sách/quyết định liên quan đến chăm sóc sức khỏe.		
Tổng cộng			23

16.2.3. Khối kiến thức bổ trợ (tự chọn)

TT	Tên học phần	Mã	Số tín chỉ
III. 2	Các học phần tự chọn (<i>học viên chọn đủ tối thiểu 11 tín chỉ</i>)		
15	Quản lý Trang thiết bị Y tế và cơ sở hạ tầng: Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức về vai trò, tầm quan trọng và các hoạt động quản lý trang thiết bị và công trình y tế.	910310102	2
16	Quản lý nhân lực: Nhân lực y tế đóng vai trò then chốt trong cung cấp dịch vụ tại các cơ sở y tế. Vì thế việc quản lý nhân lực y tế trong các cơ sở y tế, từ việc tuyển chọn, bố trí công việc, đánh giá và đảm bảo môi trường làm việc tốt, phát huy tối đa được hiệu quả công việc của cán bộ là một yêu cầu tối quan trọng trong mọi hoạt động và sự phát triển của cơ sở.	910310202	2
17	Quản lý và đánh giá Dự án: Học phần này nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng liên quan đến: xây dựng dự án; tổ chức thực hiện và đánh giá dự án.	910310303	3
18	Truyền thông chính sách y tế: giúp học viên tham gia vào quá trình này hiệu quả, học phần truyền thông chính sách được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng, và trải nghiệm cho học viên để có thể đưa những bằng chứng khoa học, giá trị cho nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý.	910310402	2
19	Tiếp thị xã hội: Giới thiệu về tiếp thị xã hội; Nghiên cứu ban đầu làm cơ sở thực hiện chương trình tiếp thị; Hỗn hợp tiếp thị xã hội và Lập kế hoạch và triển khai chương trình tiếp thị. Học phần sẽ được tiến hành theo phương pháp dạy học tích cực với hoạt động thuyết trình của giảng viên lồng ghép thích hợp các hoạt động của học viên như: thảo luận chung, thảo luận nhóm dựa vào tình huống, làm bài tập theo nhóm (xuyên suốt quá trình học), trình bày theo nhóm sản phẩm tiếp thị và chương trình xúc tiến tiếp thị xã hội (hoạt động theo nhóm tại lớp và tự nghiên cứu chiếm hơn 50% thời lượng học phần).	910310502	2

20	Phòng chống HIV/AIDS: Học phần giúp học viên trình bày được những nét khái quát về dịch tễ học dịch HIV/AIDS, mô tả được hệ thống tổ chức về phòng chống và kiểm soát HIV/AIDS tại Việt Nam và trình bày được kế hoạch chiến lược và các phương pháp triển khai các hoạt động can thiệp chính trong chương trình phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam.	910310602	2
21	Phòng chống chấn thương: Đây là học phần tự chọn với mục tiêu cung cấp cho các học viên các kiến thức, kỹ năng rất cần thiết cho các hoạt động phòng chống chấn thương. Học phần này sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về dịch tễ học chấn thương, các phương pháp nghiên cứu, đánh giá chấn thương cũng như các phương pháp xây dựng chiến lược, kế hoạch phòng chống chấn thương. Học phần được thiết kế dựa trên các kiến thức cập nhật trên thế giới lồng ghép với các số liệu, hoạt động thực tế. Phương pháp giảng dạy chủ động kết hợp lý thuyết, thực hành và các bài tập tình huống thực tế ở Việt Nam.	910310702	2
Tổng cộng (tối thiểu)			11

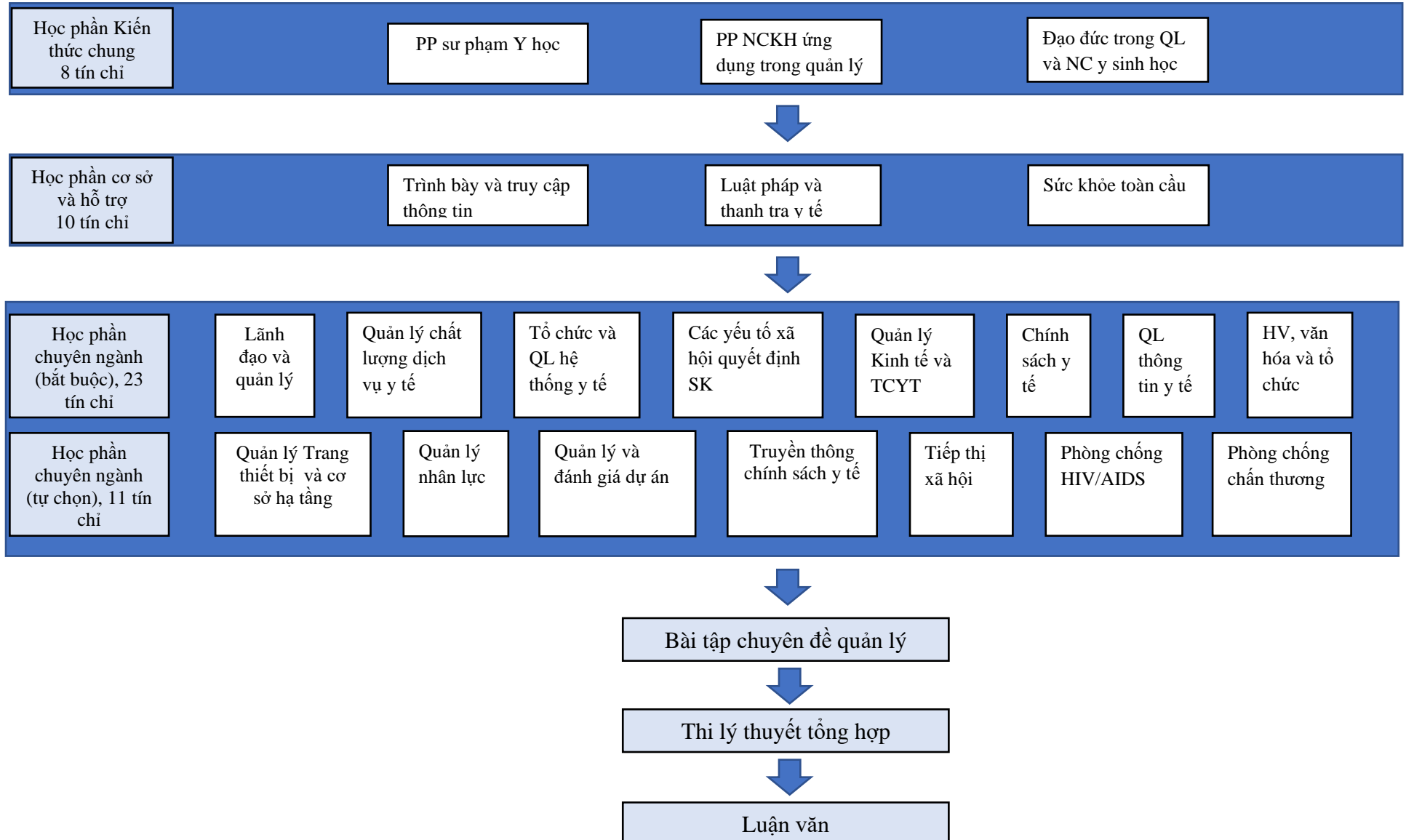
16.2.4. Chuyên đề:

TT	Tên học phần	Mã	Số tín chỉ
IV	Bài tập chuyên đề quản lý	910302206	6
Tổng cộng			6

16.2.5. Thi lý thuyết và luận văn tốt nghiệp:

TT	Tên học phần	Mã	Số tín chỉ
V	Tốt nghiệp		
22	Tin học (Môn điều kiện tốt nghiệp)	910302600	
23	Tiếng Anh (Môn điều kiện tốt nghiệp)	910302500	
24	Thi lý thuyết tổng hợp: Bao gồm 2 nội dung: hành vi văn hóa tổ chức; Lãnh đạo và quản lý. Hình thức thi tự luận.	910302307	7
25	Luận văn	910302407	7
Tổng cộng			14

17. Sơ đồ các học phần trong chương trình



18. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PO) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

Mục tiêu Chuẩn đầu ra	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
PLO1	X							
PLO1.1	X							
PLO1.2	X							
PLO2		X						
PLO2.1		X						
PLO2.2		X						
PLO3			X					
PLO3.1			X					
PLO3.2			X					
PLO4				X				
PLO4.1				X				
PLO4.2				X				
PLO4.3				X				
PLO5					X			
PLO5.1					X			
PLO5.2					X			
PLO5.3					X			
PLO6					X			
PLO7					X			
PLO7.1					X			
PLO7.2					X			
PLO7.3					X			
PLO8						X		
PLO8.1						X		
PLO8.2						X		
PLO8.3						X		
PLO9			X	X	X	X		
PLO10							X	
PLO10.1							X	
PLO10.2							X	
PLO10.3							X	
PLO11								X
PLO11.1								X
PLO11.2								X

Ghi chú: Đánh dấu X vào các ô để thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và mục tiêu của CTĐT

19.Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra CTĐT (các tiêu chí PLO#.#) và thời lượng, phương pháp dạy-học và phương pháp đánh giá của các học phần trong CTĐT

(Xem chi tiết trong file Excel đính kèm)

KHOA/VIỆN ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO
TẠO**

PHỤ LỤC - THANG ĐO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KIẾN THỨC, KỸ NĂNG VÀ MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

Lĩnh vực về nhận thức	Bloom, 1956	- Ghi nhớ (khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi học viên có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học)	- Hiểu (khả năng diễn đạt ý nghĩa của thông điệp bằng miệng, văn bản hay hình ảnh. Hiểu không chỉ đơn thuần là nhắc lại một thông điệp nào đó. Chúng ta cần thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua diễn giải, nêu gương, phân loại, tóm tắt, suy luận, so sánh và giải thích)	- Áp dụng (khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó)	- Phân tích (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Đánh giá (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Sáng tạo (khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới)
		K1	K2	K3	K4	K5	K6
Lĩnh vực về tâm vận động (kỹ năng)	Dave, 1975	- Bắt chước có quan sát: Quan sát và lặp lại có sự hiện diện của nguồn mẫu	- Làm lại theo cấu trúc nội tâm: Làm được khi được hướng dẫn	- Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp: Thể hiện lại một cách chính xác các hoạt động, thao tác mà không có nguồn mẫu	- Hoàn thiện thứ tự các hoạt động: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và được thực hiện một cách nhất quán	- Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và thực hiện nhất quán, dễ dàng. Tự động thể hiện được với ít sự gắng sức về thể chất hoặc tinh thần	
		S1	S2	S3	S4	S5	
Lĩnh vực về cảm xúc	Krathwohl, Bloom & Masia, 1973	Chú ý lắng nghe, quan sát và cảm nhận	- Tiếp nhận hiện tượng: Tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực thông qua trao đổi, giao tiếp, báo cáo...	- Phản ứng với hiện tượng: Nhận thấy giá trị của các yếu tố trong học tập và làm việc và thể hiện ra ngoài bằng các hành động cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng	- Chấp nhận giá trị (Valuing): Nhận ra giá trị cao nhất và tạo ra những hệ thống có giá trị nhất so với các giải pháp khác.	- Tổ chức, Ứng xử: Biến những giá trị thực tiễn thành động lực điều chỉnh hành vi.	
		A1	A2	A3	A4	A5	